

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/HS-ST

Ngày: 16 - 3 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kiều Duyên.

Thẩm phán: Ông Lê Thành Tân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Hoàng Anh.
2. Bà Trần Phan Nhã Trúc.
3. Ông Nguyễn Thanh Bằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Bích Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:

Ông Võ Hồng Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2023/TLST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 02 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Quốc T, sinh năm: 1977 tại tỉnh Bạc Liêu.

HKTT: số 2385/74/29, đường Phạm Thê H, Phường 6, quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: số 931, đường Tạ Quang B, Phường 5, quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M (chết) và bà Quách Kim Th; có vợ bà Nguyễn Thị Đỗ U (đã ly hôn) và 02 người con; tiền án: không.

Tiền sự: ngày 20/12/2010 Nguyễn Quốc T bị Công an huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 140/QĐXPHC-CADH với số tiền 750.000 đồng về hành vi “vi phạm trật tự công cộng”, chưa nộp phạt.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 05/4/2022 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quốc T:* Ông Phạm Minh T, Luật sư Văn phòng luật sư Phạm Minh T thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

- *Bị hại:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1975; nơi cư trú: số 244/4A, khu 4, thị trấn T, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Chị Nguyễn Thị D, sinh năm: 1981; nơi thường trú: số 1583/1/18, Phạm Thế H, Phường 6, quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện tại: 931, đường Tạ Quang B, Phường 5, quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

- *Những người tham gia tố tụng khác:*

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm: 1967; nơi cư trú: số 244/4A, khu 4, thị trấn Trà Ôn, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt)

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1945; nơi cư trú: số 244/4A, khu 4, thị trấn T, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian kinh doanh quán nước giải khát, khoảng tháng 10 năm 2020, chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1981, nơi cư trú: số 1583/1/18 đường Phạm Thế H, Phường 6, quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh quen biết và nảy sinh tình cảm với bị cáo Nguyễn Quốc T, sinh năm 1977, trú tại số 2385/74/29 Phạm Thế H, Phường 6, quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; thời gian quen biết bị cáo T giới thiệu với chị D bị cáo làm Công an và đang công tác tại Bộ Công an. Sau đó, bị cáo T và chị D sống chung với nhau như vợ chồng.

Khoảng đầu tháng 12 năm 2020, chị D dẫn bị cáo T về nhà mẹ ruột là bà Nguyễn Thị L, nơi cư trú: số 244/4A, khu 4, thị trấn T, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long chơi. Chị D giới thiệu với mẹ ruột, chị ruột Nguyễn Thị H, anh ruột Nguyễn Văn C, bị cáo T là bạn trai của chị D và hiện đang làm Công an và bị cáo T cũng tự giới thiệu mình là Trinh sát ngoại tuyến – Cục an ninh điều tra Bộ công an. Thời gian sau, bị hại Nguyễn Thị H có nhu cầu xin cấp phép bến phà khách ngang sông Hậu, tên bến Đông Hậu - Lục Sĩ để hoạt động chở xe 04 bánh, bị hại H nghe bị cáo T là tự xưng là Công an, có mối quan hệ rộng nên tin tưởng và nhờ bị cáo T xin giấy phép đùm thì bị cáo T nói để liên lạc rồi trả lời bị hại H sau.

Đến khoảng giữa tháng 12/2020, bị cáo T nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của bị hại H để tiêu xài cá nhân, bị cáo T không nói với chị D biết việc sử dụng số thuê bao 0902782050 điện thoại cho bị hại H qua số thuê bao 0907690847 nói dối với bị hại H là bị cáo T đã nhờ được sếp của bị cáo T tên Đ làm thủ tục cấp giấy phép hoạt động bến khách ngang sông Đông Hậu – Lục Sĩ cho bị hại

Ha được chở xe ô tô 04 bánh với chi phí lo cho sếp 650.000.000đ và tiền đi lại cho bị cáo T 200.000.000đ, bị cáo T hứa đến ngày 30/4/2021 sẽ hoàn tất giấy tờ cấp phép hoạt động bến khách ngang sông Đông Hậu – Lục Sĩ. Nghe bị cáo T nói vậy, bị hại H hỏi “có làm được không nghe”, bị cáo T nói “em làm Công an, uy tín của em mà”, thì bị hại H tin tưởng và đồng ý giao tiền cho bị cáo T.

Sau đó, bị cáo T đến nhà bị hại H yêu cầu bị hại H đưa tiền cho bị cáo T để bị cáo chạy lo nhờ làm thủ tục cấp giấy phép hoạt động bến khách ngang sông Đông Hậu – Lục Sĩ và bị hại Hạnh đã đưa tiền cho bị cáo T 03 lần với tổng số tiền là 750.000.000đ. Nhận tiền của bị hại H xong, bị cáo T đưa cho chị D 650.000.000đ, còn 100.000.000đ bị cáo T tiêu xài cá nhân hết. Khi đưa tiền cho chị D bị cáo T nói với chị D 400.000.000đ là mượn của bị hại H, còn 250.000.000 đồng là tiền cá nhân của bị cáo T. Việc trao đổi thỏa thuận số tiền cụ thể mà bị hại H giao cho bị cáo T để lo việc làm bến phà khách Đông Hậu – Lục Sĩ thì chị D không biết và chị D không biết số tiền này do bị cáo T phạm tội mà có nên đã tiêu xài hết số tiền bị cáo T đưa.

Đến ngày 30/4/2021, bị cáo T không đưa cho chị H giấy phép hoạt động bến phà khách ngang sông Đông Hậu – Lục Sĩ như lời bị cáo đã hứa. Lúc này, bị hại H biết mình bị lừa nên bị hại H nhờ ông Nguyễn Văn C (anh ruột của bị hại H) điện thoại cho bị cáo T hỏi chuyện liên quan đến việc bị hại H đưa tiền theo yêu cầu của bị cáo T để lo giấy phép bến khách cho bị hại H và ghi âm lại cuộc nói chuyện với nội dung thể hiện số tiền mà bị cáo T đã nhận của bị hại H là 750.000.000đ.

Quá trình điều tra, bị cáo T khai nhận hành vi phạm tội của mình. Ngoài ra, bị cáo T còn khai nhận khi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Long thụ lý kiểm tra, xác minh đơn tố giác hành vi lừa đảo của bị hại H thì bị cáo T có liên hệ với một số cá nhân khác tại Thành phố Hồ Chí Minh để giúp đỡ. Quá trình kiểm tra xác minh, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Long xét thấy vụ việc xảy ra tại quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Long đã có văn bản chuyển tin báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh để tiến hành kiểm tra, xác minh theo thẩm quyền quy định của pháp luật.

Đối với chị Nguyễn Thị D: không biết nội dung trao đổi thỏa thuận về số tiền cụ thể mà bị cáo T đã lừa của bị hại H giao cho bị cáo T làm bến khách Đông Hậu - Lục Sĩ nên không đề cập xử lý hình sự. Chị D đồng ý trả 200.000.000 đồng lại cho bị hại H.

Về trách nhiệm hình sự: bị hại H đề nghị xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại H yêu cầu bị cáo T trả lại số tiền 750.000.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 02/CT-VKS-P1 ngày 03 tháng 01 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã truy tố Nguyễn Quốc T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo: thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng đã nêu.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: sau phi phân tích hành vi phạm tội của bị cáo, phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ. Đề nghị áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự, điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; đề nghị mức hình phạt từ 10 năm tù đến 11 năm năm tù, trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo khắc phục số tiền còn lại cho bị hại H. Đề nghị tiếp tục thực hiện lệnh kê biên thửa đất mang tên Nguyễn Quốc T. Đề nghị xử lý vật chứng: hoàn trả cho bị cáo Nguyễn Quốc T: 01 giấy căn cước công dân mang tên Nguyễn Quốc T, 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Quốc T, 01 thẻ ATM - ngân hàng Vietinbank mang tên Nguyễn Quốc T, 01 giấy hẹn cải tạo, đổi cấp lại đăng ký biển số chủ sở hữu Nguyễn Quốc T; tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại hiệu iphone 6. Bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: xin giảm nhẹ hình phạt.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: thống nhất tội danh cáo trạng đã truy tố, thống nhất các tình tiết giảm nhẹ của Viện kiểm sát đã đề nghị, xin xem xét mức án thấp hơn vì đại diện viện kiểm sát đã đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Vĩnh Long, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, luật sư, bị cáo và bị hại không ai có ý kiến hoặc khiếu nại, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng đã nêu. Bị cáo thừa nhận: bị cáo chung sống với chị Nguyễn Thị D như vợ chồng từ tháng 10 năm 2020, bị cáo T giới thiệu với chị D là bị cáo T đang làm Công an ở Bộ Công an. Đến đầu tháng 12 năm 2020 chị D dẫn bị cáo T về nhà và giới thiệu với cha mẹ, anh chị em ruột, trong đó chị H là chị ruột thứ 5 của chị D là bị cáo T là Công an, đang làm tại Bộ Công an, bị cáo T cũng tự giới thiệu với mọi người bị cáo T là Công an trình

sát ngoại tuyến. Thật sự bị cáo T là lao động tự do. Thời gian về nhà mẹ chị Du, bị cáo T biết bị hại H có nhu cầu nâng cấp bến phà từ vận chuyển xe 02 bánh lên vận chuyển xe 04 bánh. Đến tháng 12 năm 2020 khi biết mọi người có niềm tin, bị cáo T nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của bị hại H, nên bị cáo T điện thoại cho bị hại H từ số thuê bao 0902.782.050 đến số máy của chị H 0907.690.847 nói dối với bị hại H là đã nhờ sếp của bị cáo T tên Đ xin cấp phép bến phà khách ngang sông Đông Hậu - Lục Sĩ bị hại H được vận chuyển xe ô tô 04 bánh chi phí lo cho sếp là 650.000.000 đồng, chi phí cho bị cáo T là 200.000.000 đồng, đến ngày 30/4/2021 sẽ hoàn tất giấy tờ cấp phép. Bị cáo T 03 lần nhận tiền của bị hại H với tổng số tiền là 750.000.000 đồng. Lời khai của bị cáo T phù hợp với lời khai của người làm chứng Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị L, phù hợp các kết luận giám định số 2334/KL-KTHS, ngày 16/8/2022 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Không phát hiện thấy có dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hội thoại trong 03 file âm thanh mẫu cần giám định.

- Tiếng nói của người nam được gọi là “anh” trong 02 file âm thanh mẫu cần giám định (“Bản ghi Mới 2.m4a”, “Đường Quốc lộ 54.m4a”) và tiếng nói của Nguyễn Văn C trong mẫu so sánh là của cùng một người nói ra.

- Tiếng nói của người nam xưng là “em” trong 03 file âm thanh mẫu cần giám định (“Bản ghi Mới 2m4”, “Đường Quốc lộ 54.m4a” và “FILE 20220415 090310_Tuân 2.m4a”) và tiếng nói của Nguyễn Quốc T trong mẫu so sánh là của cùng một người nói ra.

- Tiếng nói của người nữ trong file âm thanh mẫu cần giám định (“FILE-20220415 – 090310 - Tuân 2.m4a”) và tiếng nói của Nguyễn Thị C1 trong mẫu so sánh là của cùng một người nói ra.

Tại Bản kết luận giám định số: 5833/KL-KTHS ngày 27/10/2022 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: nội dung hội thoại trong file âm thanh mẫu cần giám định “Đường Quốc lộ 54.m4a” đã được chuyển thành văn bản có nội dung thể hiện bị cáo T thừa nhận có nhận số tiền 750.000.000 đồng của bị hại H để nâng cấp bến phà.

[2.1] Hành vi của bị cáo T dùng thủ đoạn gian dối tự xưng là Công an trong khi bị cáo T làm lao động tự do, tự xưng có khả năng xin cấp phép bến phà khách cho bị hại H làm cho bị hại H tin tưởng giao cho bị cáo T 03 lần với tổng số tiền là 750.000.000 đồng, bị cáo T chiếm đoạt và tiêu xài trong khi bị cáo không thực hiện hành vi xin cấp phép bến phà. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Do đó, cáo trạng truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ đúng người, đúng tội.

[2.2] Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu được pháp luật bảo vệ, bị cáo thực hiện với lỗi cố ý, đối tượng bị cáo mong muốn

chiếm đoạt là tiền, bị cáo T biết rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác bằng thủ đoạn gian dối, hành vi này là trái pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo T gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, làm cho quần chúng nhân dân không còn tin tưởng vào các giao dịch dân sự, cần thiết phải xử lý nghiêm để răn đe giáo dục bị cáo.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: bị cáo có tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần, đã 03 lần nhận tiền của bị hại H nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có cha ruột là người có công cách mạng nên bị cáo được xem xét giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về trách nhiệm dân sự: đối với số tiền bị cáo chiếm đoạt của bị hại H 750.000.000 đồng, bị cáo đã đưa cho chị Nguyễn Thị D 650.000.000 đồng, chị D không biết đây là số tiền do bị cáo phạm tội mà có, nhưng chị D tự nguyện nộp lại 200.000.000 đồng để trả lại cho bị hại H. Số tiền chị D nộp trả cho bị hại H sẽ được khấu trừ trong số tiền 750.000.000 đồng bị cáo T đã chiếm đoạt của bị hại H, nên bị cáo T tiếp tục trả lại cho bị hại H 550.000.000 đồng tiền chiếm đoạt.

[5] Tiếp tục thực hiện lệnh kê biên số 04/LKB-VPCQCSĐT ngày 26/12/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra công an tỉnh Vĩnh Long đối với thửa đất số 1203, tờ bản đồ số 6, diện tích 2.600m², loại đất nuôi trồng thủy sản; tọa lạc tại ấp Cây G, xã Long Đ, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu, quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Quốc T.

[6] Về xử lý vật chứng: Hoàn trả các vật chứng: 01 giấy căn cước công dân mang tên Nguyễn Quốc Tuấn; 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Quốc T; 01 thẻ ATM – ngân hàng Vietinbank mang tên Nguyễn Quốc T; 01 giấy hẹn cải tạo, đổi, cấp lại đăng ký biển số chủ sở hữu Nguyễn Quốc T vì không liên quan đến hành vi phạm tội. Đối với điện thoại di động iphone 6 bị cáo T dùng để liên hệ với bị hại H thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung quỹ nhà nước.

[7] Lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận một phần.

[8] Lời bào chữa của luật sư là có căn cứ chấp nhận một phần.

[9] Về án phí: bị cáo Nguyễn Quốc T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T 13 (mười ba) năm tù; thời gian chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày 05/4/2022.

Trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Quốc T phải trả cho bị hại Nguyễn Thị H số tiền 550.000.000 đồng (năm trăm năm mươi triệu đồng).

Tiếp tục thực hiện lệnh kê biên số 04/LKB-VPCQCSĐT ngày 26/12/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra công an tỉnh Vĩnh Long đối với thửa đất số 1203, tờ bản đồ số 6, diện tích 2.600m², loại đất nuôi trồng thủy sản tọa lạc tại ấp Cây G, xã Long Đ, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu, quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Quốc T.

Tiếp tục tạm giữ 200.000.000 đồng theo biên lai thu số 0000312 ngày 15/3/2023 do chị Nguyễn Thị D nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long để giao trả cho bị hại Nguyễn Thị H.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

Hoàn trả cho bị cáo Nguyễn Quốc T 01 giấy căn cước công dân mang tên Nguyễn Quốc T; 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Quốc T; 01 thẻ ATM – ngân hàng Vietinbank mang tên Nguyễn Quốc T; 01 giấy hẹn cải tạo, đổi, cấp lại đăng ký biển số chủ sở hữu Nguyễn Quốc T vì không liên quan đến hành vi phạm tội.

Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6.

Tất cả theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/01/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Long và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Án phí: áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Quốc T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 26.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng chị Nguyễn Thị D vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TANDCC: 01;
- VKSNDCC: 01;
- VKS TVL: 02;
- CA: 01;
- THADS TVL: 02;
- THA HSTVL: 01;
- STP: 01;
- VPĐT CAVL: 01;
- PHÒNG HỒ SƠ CAVL: 01;
- TG + BC: 02;
- ĐDBH: 02;
- NLQ: 01;
- UBND, CA Phường 5, quận 8, TPHCM: 02;
- Lưu hồ sơ vụ án: 04.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký và đóng dấu)

Huỳnh Thị Kiều Duyên

